

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNST

Ngày: 25/06/2024

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Bùi Thanh Trí*.

Ông *Nguyễn Văn Mến*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trương Hoàng Minh Phương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

Trong ngày 25/06/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 87/2024TLST-HN ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2024/QĐST-HN ngày 06/05/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Lê M T**, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 11B đường số 8, khu vực 4, phường A B, quận N K, thành phố C T.

Địa chỉ liên hệ: Lô số 20, đường số 61, khu dân cư 586, phường P T, quận C R, thành phố C T.

* Bị đơn: Bà **Huỳnh T T**, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Số E2 – 10 khu dân cư 586, khu vực Thạnh Thới, phường P T, quận C R, thành phố C T.

Địa chỉ liên hệ: Số F2 – 33, đường số 5, khu dân cư 586, khu vực Thạnh Thới, phường P T, quận C R, thành phố C T.

Chỗ ở hiện nay: Số 77A2 khu dân cư Phú An, phường P T, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà ông *Lê M T* trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà *Huỳnh T T* tự tìm hiểu khoảng 10 năm thì tiến đến chung sống như vợ chồng năm 2017, sau đó tiến đến hôn nhân, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, quận C R, thành phố C T vào ngày

09/11/2022. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bà T không có tư cách của người vợ và là một người mẹ, bà T không chăm lo xây dựng gia đình, lừa dối chồng, gây nợ nần mà ông phải gánh trả và thiếu sự tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng và thời gian kéo dài. Cả hai đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không còn đạt được và tình cảm đã thật sự rạn nứt, không còn nên ông yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà Huỳnh T T.

- Về con chung: Theo ông T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê M (Nam), sinh ngày 07/01/2018 và Lê M K N (Nữ), sinh ngày 04/6/2019. Khi ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, hai con đang sống chung với ông từ tháng 8/2023 cho đến nay. Ông không đồng ý giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng vì tư cách đạo đức để làm mẹ của bà T không có.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung gồm: Nhà và đất số E2, đường số 37, khu vực Thạnh Thới, phường P T, quận C R, thành phố C T; 03 (Ba) nền đất tại khu văn Hóa Tây Đô hiện nay do bà T đang đứng tên, 01 (Một) căn nhà địa chỉ số 89/8B đường Lê Hồng Phong, phường T N, quận B T, thành phố C T. Đối với các tài sản chung này tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Phía bị đơn bà Huỳnh T T trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và mâu thuẫn giống như lời trình bày của ông Lê M T. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn dẫn đến không có tiếng nói chung, việc kinh tế thất thoát là do bà làm ăn thua lỗ, vợ chồng thường xuyên cãi vã, dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Cả hai đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con giống như ông T trình bày, hiện nay 02 con đang sống chung với ông T , khi ly hôn thì đồng ý giao cháu Lê M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu K N thì bà xin được nuôi và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống có tài sản chung giống như ông T trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Phản trình bày của ông Lê M T: Vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Về hôn nhân thì đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với bà Huỳnh T T vì hiện nay tình cảm, lòng tin đã không còn, cả hai đã ly thân một thời gian dài nên không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Về con chung thì khi ly hôn ông xin được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết và nợ chung không có.

Theo bị đơn bà Huỳnh T T trình bày: Đối với yêu cầu ly hôn của ông Lê M T thì bà cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông T. Về con chung thì yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung thì tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này vợ chồng có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Lê M T và bà Huỳnh T T tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Mặt khác, bị đơn bà Huỳnh T T có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Lê M T và bà Huỳnh T T tự nguyện tiến tới hôn nhân, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T trình bày, mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, bà T không chăm lo xây dựng gia đình, lừa dối chồng, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng và thời gian kéo dài. Bên cạnh đó, cả hai đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Mặc dù, ông đã tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả, nay thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Thảo. Theo bà Huỳnh T T xác định mâu thuẫn vợ chồng giống như ông T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn dẫn đến không có tiếng nói chung, việc kinh tế thất thoát là do bà làm ăn thua lỗ, vợ chồng thường xuyên cãi vã, dần dần

tình cảm vợ chồng không còn. Cả hai đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Mặc dù, đã được Tòa án hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn, đoàn tụ gia đình trước khi đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa nhưng ông T và bà T cũng không đoàn tụ được. Nhận thấy, việc tiến tới hôn nhân của cả hai là tự nguyện nên việc đoàn tụ cũng phải xuất phát từ tình cảm, sự tự nguyện của hai bên. Tại phiên tòa, ông T xác định tình cảm đối với bà T không còn nên kiên quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ và bà T cũng thống nhất ly hôn. Vì vậy, đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Các bên xác định trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Lê M (Nam), sinh ngày 07/01/2018 và Lê M K N (Nữ), sinh ngày 04/6/2019. Đối với nguyện vọng xin nuôi con chung của ông T và bà T thì xét thấy cháu Minh và cháu N chưa đủ 07 tuổi nên không thể trực tiếp hỏi nguyện vọng của các con. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện các yếu tố về tâm lý, về điều kiện chăm sóc, giáo dục con và điều kiện khác nhằm đảm bảo, duy trì, phát triển cho con toàn diện để giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng.

Nhận thấy trong quá trình hòa giải, Tòa án cũng đề nghị các đương sự cung cấp các chứng cứ để xem xét về điều kiện công việc, về thời gian làm việc, mức thu nhập và môi trường sống,... thì xét thấy nguyên đơn và bị đơn có điều kiện để nuôi con chung gần tương đương nhau như chỗ ở là đang sống cùng với người thân trong gia đình, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc giáo dục con chung nếu khó khăn; mức sống, thu nhập và môi trường sống vẫn đảm bảo tốt cho việc chăm sóc nuôi con chung,... Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự trình bày hai con vẫn đang sống ổn định với ông T và ông bà nội, từ khi bà T không sống chung thì tình trạng sức khỏe của hai con hiện nay vẫn tốt. Theo bà T trình bày, việc bà tranh chấp nuôi hai con với ông T là do trước đó ông T ngăn cản bà về việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tuy nhiên tại phiên tòa ông T xác định nếu Tòa án giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng thì phía ông đồng ý tạo điều kiện cho bà T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung vào các ngày chủ nhật trong tuần theo quy định của pháp luật. Mặt khác, cháu Minh và cháu N còn nhỏ và đang sống cùng ông T và ông bà nội từ trước cho đến nay, nay thay đổi hoàn cảnh sống và môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của hai con. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng nhưng ông T không yêu cầu và phía bà T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về tài sản chung*: Các bên xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Các bên xác định không có.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê M T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của ông Lê M T đối với bà Huỳnh T T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê M (Nam), sinh ngày 07/01/2018 và Lê M K N (Nữ), sinh ngày 04/6/2019. Giao cháu Lê M và Lê M K N cho ông Lê M T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà Huỳnh T T không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003452 ngày 20/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nơi nhận:

- + VKSND quận C R;
- + Chi Cục THADS quận C R;
- + UBND phường P T,
Q. C R, TP. C T;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GÁM